

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 22 - 02 - 2023.
“V/v: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê và bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Bùi – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Kông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST - DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST - DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2023/TB - TA ngày 02/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Th (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Sầm Thị T (Vắng mặt) và anh Triệu Văn T1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Triệu Thị D (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị Th trình bày:

Vào ngày 11/4/2018 Âm lịch (Tức là ngày 25/5/2018 Dương lịch) bà (Hoàng Thị Th) cho ông Triệu Văn H vay số tiền là 76.250.000đ (Bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Thời hạn trả nợ là ngày 20/11/2018 Âm lịch (Tức ngày 26/12/2018 Dương Lịch).

Khi đến hạn trả nợ ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Ngày 11/3/2020 ông H mới trả cho bà được 10.000.000đ tiền lãi suất, còn số nợ gốc và nợ lãi tiếp theo thì ông H không trả cho bà. Đến tháng 3 năm 2021 thì ông H chết. Trước khi chết ông H vẫn chưa trả nợ cho bà. Theo tôi được biết thì người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H là bà Sầm Thị T và anh Triệu Văn T1, sau khi ông H chết tài sản của ông H do bà Sầm Thị T và anh Triệu Văn T1 quản lý. Bà đã nhiều lần trực tiếp gặp

và yêu cầu bà T và anh T1 trả nợ thay cho ông H, nhưng bà T và anh T1 không chấp nhận. Vì vậy bà đã khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu buộc bà T và anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ thay ông H, trả cho bà số tiền nợ gốc 76.250.000đ và tiền lãi phát sinh. Mức lãi trong hạn là 20%/năm và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật. Khoản tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày bà làm đơn khởi kiện (Ngày 08/11/2021) là 141.480.187đ (Một trăm bốn mươi một triệu bốn trăm tám mươi ngàn một trăm tám mươi bảy đồng), bao gồm: Nợ gốc là 76.250.000đ, nợ lãi trong hạn, quá hạn là 65.318.187đ (Lãi trong hạn + lãi quá hạn là 75.230.187đ - 10.000.000đ mà ông H đã trả vào năm 2020).

Hiện nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Sầm Thị T và anh Triệu Văn T1 phải thay ông Triệu Văn H trả cho bà số tiền nợ tính đến ngày 08/11/2021 là 141.480.187đ (Bốn mươi một triệu bốn trăm tám mươi ngàn một trăm tám mươi bảy đồng), tiếp tục tính lãi suất quá hạn đối với số tiền nợ kể từ ngày 09/11/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Đối với chị Triệu Thị D là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H, nhưng đã lấy chồng trước khi ông H chết, hiện không trực tiếp quản lý di sản của ông H nên bà không yêu cầu chị D phải chịu trách nhiệm liên đới.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Để có căn cứ giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định 02 chữ viết “Triệu Văn H” tại dòng thứ 8 và dòng thứ 18 của giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp (Giấy vay tiền lập ngày 11/4/2018 Âm lịch) so với chữ viết “Triệu Văn H” tại tài liệu do Tòa án thu thập là 02 tờ khai chứng minh nhân dân mang tên Triệu Văn H để làm căn cứ giải quyết vụ án. Kết quả giám định đã xác định được như sau:

Chữ viết mang tên Triệu Văn H tại dòng thứ 8 và 18 từ trên xuống của tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1) so với chữ viết mang tên Triệu Văn H dưới mục “Người ký tên” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

*** Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 và 615 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Th, buộc bà Sầm thị T và anh Triệu Văn T1 phải có nghĩa vụ dùng phần di sản của ông Triệu Văn H trả cho bà Hoàng Thị Th số tiền nợ 171.163.853đ, bao gồm: Nợ gốc là 76.250.000đ, nợ lãi là 94.913.853đ

Về án phí: Bà Sầm Thị T và anh Triệu Văn T1 phải dùng phần di sản của ông Triệu Văn H nộp 8.558.192đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị buộc các bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, tài liệu khác, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định ngoài các bị đơn theo đơn khởi kiện thì người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Triệu Văn H còn có chị Triệu Thị D. Vì vậy Tòa án xác định chị D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX xét thấy: Bà Hoàng Thị Th cho rằng đã cho ông Triệu Văn H vay tiền, do ông H đã chết nhưng chưa trả nợ nên bà Th đã khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay ông H. Vì vậy, HĐXX xác định đây là Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, liên quan đến hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Điều 615 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện bà Hoàng Thị Th yêu cầu bà Sầm Thị T và anh Triệu Văn T1 thực hiện nghĩa vụ trả thay ông Triệu Văn Hoài số tiền nợ tính đến ngày 08/11/2021 là 141.480.187đ (Bốn mươi một triệu bốn trăm tám mươi ngàn một trăm tám mươi bảy đồng), tiếp tục tính lãi suất quá hạn đối với số tiền nợ kể từ ngày 09/11/2021 cho đến khi trả xong nợ, HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt thông báo thụ lý cũng như Thông báo kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho các đương sự. Tuy nhiên các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các thông báo của Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về số tiền mà ông Triệu Văn H đã vay bà Hoàng Thị Th và số tiền đã trả: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập đã có cơ sở xác định: Vào ngày 25/5/2018 Dương lịch bà Hoàng Thị Th đã cho ông Triệu Văn H vay số tiền là 76.250.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Thời hạn trả nợ là ngày 26/12/2018 Dương Lịch. Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì khi đến hạn trả nợ ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Đến ngày 11/3/2020 ông H mới trả được 10.000.000đ, sau đó cho đến khi chết ông H không tiếp tục trả nợ cho bà Th. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ.

+ Về xác định người phải thực hiện nghĩa vụ: Theo kết quả xác minh thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Triệu Văn H là bà Sầm Thị T, anh Triệu Văn T và chị Triệu Thị D. Sau khi chết phần di sản của ông H trong khối tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất đang do bà T và anh T quản lý, chưa được phân chia. Vì vậy, việc bà Th khởi kiện yêu cầu bà T và anh T phải thực hiện nghĩa vụ thay ông H là có căn cứ.

Nghĩa vụ mà phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn thực hiện xuất phát từ hợp đồng vay tài sản. Theo nội dung thỏa thuận tại giấy vay tiền thì khoản nợ được tính lãi suất là 2%/tháng và là khoản vay có xác định thời hạn. Hiện nay bà Th yêu cầu tính lãi trong hạn

20%/năm là đúng quy định của pháp luật. Như vậy khoản nợ của ông H đối với bà Th đến ngày xét xử cụ thể như sau:

+ Nợ Lãi trong hạn kể từ ngày 26/5/2018 đến ngày 26/12/2018 là: $76.250.000đ \times 20\%/năm \times 7 \text{ tháng} = 8.860.250đ$.

+ Lãi của tiền lãi chậm trả kể từ ngày 27/12/2018 cho đến khi ông Hoài trả 10.000.000đ tiền lãi (Ngày 11/3/2020): $8.860.250đ \times 20\%/năm \times 50\% \times 14 \text{ tháng} = 1.061.812đ$.

Lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 27/12/2018 đến ngày 22/02/2022 là $76.250.000đ \times 20\%/năm \times 150\% \times 04 \text{ năm} 01 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 94.991.791đ$.

Tổng tiền lãi tính đến ngày 22/02/2022 là $8.860.250đ + 1.061.812đ + 94.991.791đ = 104.913.853đ$. Do ông Hoài đã trả 10.000.000đ, nên số tiền lãi còn lại là: 94.913.853 đ.

Cộng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử: $76.250.000đ + 94.913.853đ = 171.163.853đ$

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466, 468, 615 và 623 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Th, buộc bà Sầm Thị T và anh Triệu Văn T phải trả cho bà Hoàng Thị Th số tiền 171.163.853đ.

[4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, do các bị đơn không có mặt, nguyên đơn có yêu cầu trưng cầu giám định để làm căn cứ giải quyết vụ án. Chi phí giám định là 4.650.000đ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên các bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sầm Thị Th và anh Triệu Văn T là người phải thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 159, Điều 160; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 615 và 623 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Th.

Buộc bà Sầm Thị T và anh Triệu Văn T phải có nghĩa vụ dùng phần di sản của ông Triệu Văn H trả cho bà Hoàng Thị Th số tiền nợ 171.163.853đ, bao gồm: Nợ gốc là 76.250.000đ, nợ lãi là 94.913.853đ.

Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Bà Sầm Thị Th và anh Triệu Văn T còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Sầm Thị T và anh Triệu Văn T phải có nghĩa vụ dùng phần di sản của ông Triệu Văn H nộp 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) chi phí giám định.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị Th 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) chi phí giám định sau khi thu được của bà T và anh T.

3. Về án phí: Bà Sầm Thị T và anh Triệu Văn T phải dùng phần di sản của ông Triệu Văn H nộp 8.558.192đ (Tám triệu năm trăm năm mươi tám ngàn một trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Hoàng Thị Th số tiền 3.537.000đ (Ba triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 60AA/2021/0008807 ngày 25/01/2022.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN